

## ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

### QUYỂN 14

#### PHẨM 19: THÁNH HẠNH (PHẦN 2)

Từ câu “Ca-diếp thế nào là Bồ-tát v.v...” trở xuống là phần thứ hai gồm cả giải thích. Văn có ba: Là Thánh hạnh, Phạm hạnh và Anh nhi hạnh (hạnh trẻ thơ).

Hạnh Thánh có hai ý:

Giải thích cả hạnh thứ lớp và hạnh chẳng thứ lớp.

Kế là khen ngợi kinh.

Đầu tiên là giải thích năm và một; trước giải thích hạnh Thánh, có ba: Một là giải thích Giới hạnh; hai là giải thích Định hạnh; ba là giải thích Tuệ hạnh.

Đầu tiên giải thích Giới hạnh lại gồm có ba: Một là giải thích giới hạnh; hai là giải thích giới quả; ba là giải thích tên các hạnh. Giải thích về giới hạnh thì trước giải thích thứ lớp, sau giải thích chẳng thứ lớp.

Giải thích giới hạnh thứ lớp có hai: Một là lập tâm; hai là lập hạnh.

Lập tâm có hai: Một là duyên gặp người; hai là duyên gặp pháp. Sau đây là duyên gặp người.

Nếu từ Thanh văn nghe là dụ cho việc gặp người nuôi bệnh, gặp Như Lai là dụ cho thầy thuốc, nghe kinh Đại Niết-bàn là gặp thuốc hay, nghe rồi sinh tín là lập tâm ưa thích nhằm chán, cầu đạo Vô thượng tức là Bát-nhã, nói có đại chánh pháp tức là Pháp thân, nói chánh hạnh là Giải thoát. chư Phật là Phật bảo, đạo Vô thượng là Pháp bảo, đại chúng là Tăng bảo. Trong đó, chẳng phải không có pháp duyên, vì từ số nhiều mà đặt tên nên gọi là duyên gặp người, tức kiến lập tâm.

Kế là nói về pháp duyên: “Lại có kinh Phương Đẳng” tức là nói từ kinh này mà nghe được ba Đức, ba Bảo v.v... nói ưa thích tìm cầu là sinh khởi tâm ưa thích, nếu xa lìa các yếu thích là khởi tâm nhằm chán. Được pháp làm duyên thì sẽ kiến lập tâm, đó là đối trị. Đã gặp được nhân

duyên, ưa thích, nhằm chán rõ ràng, chấn động khiến cho ma sầu não.

Từ câu “bấy giờ, Bồ-tát v.v...” trở xuống là phần thứ hai nói về lập hạnh. Có hai ý là thọ giới và giữ giới. Văn nói về thọ giới có hai là cầu thầy và thọ giới, như văn kinh đã ghi.

Từ câu “đã xuất gia v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về giữ giới, gồm có pháp và dụ.

Dụ có hai là dụ và hợp.

Dụ có năm tội: Bốn Trọng cấm, Tăng tàn, Thân-lan-già, Ba-dật-đề và Cát-la.

Văn hợp lại có sáu, tức thiên thứ ba, chia làm hai là ba mươi Xả đọa và chín mươi Đọa để hợp với văn dụ. Hoặc có thể nói xả đọa được chia làm hai là kinh túc sám và đối thú sám. La-sát có hai cách giải thích: Một là dụ cho ác tri thức bên ngoài, hai là dụ cho tâm điên đảo bên trong. Như trong phần thanh tịnh trì giới ghi ở chỉ quán bốn.

Từ câu “nếu Bồ-tát có thể, v.v...” trở xuống là đoạn hai nói về giới chẳng thứ lớp. Gồm bốn:

- 1/ Đây đủ cảnh gốc.
- 2/ Đây đủ lý sự.
- 3/ Đây đủ khinh trọng.
- 4/ Đây đủ thế nguyẹn.

Nói căn bản tức là tánh trọng; quyến thuộc trước sau tức là phương tiện khởi sau khi đắc đạo; hai điều này thuộc về nhiếp luật nghi giới. Chẳng phải các ác giác tức là phòng hộ ý căn, là Định cộng giới, hai giới này thuộc về Nhiếp thiện pháp giới. Hồi hướng Đại thừa tức nhiếp chúng sinh giới. Tánh trọng làm gốc lưu xuất ra các giới.

Kế là từ câu “Này Ca-diếp v.v...” trở xuống là nói lại có hai thứ giới đầy đủ sự lý.

Nói cảnh gốc ở trước đều thuộc về sự, nhiếp phạm phu năng hành, giới chánh pháp thì tương ứng với lý, là giới mà bậc Thánh thọ trì.

Thứ ba, từ câu “lại có hai loại v.v...” trở xuống là nói về có đủ giới khinh trọng.

Các sự lý nói ở trước đều là Trọng. Từ câu dứt sự chê bai của thế gian về sau là khinh. Bồ-tát giữ gìn đầy đủ bình đẳng không khác nhau với tánh trọng giới. Tiếp tử, xưa gọi là tiếp tức chỉ cho các loại cây lê thị. Các sư Trung Quán âm là “đế”, là tên của Quảng Thành Hầu đời Hán. Lễ ký lại ghi: “Vì kẻ sĩ hái dưa cắt ngang, chỉ bỏ rễ mà thôi”. Ý nói các ông chẳng được cắt giữ. Nói hoàng mộc chãm, có hai cách giải: một, cho rằng đây là chiếc gối gỗ, bên trong rỗng như loại cổ hoàng (trống); hai là đoạn làm gối có các đường vân đẹp giống như hoa vàng. Ba-la-tái, Lương Vũ Đế gọi là song lục, loại này mới có vào thời gần

đây. Khiên đạo tức ăn hai lần, bát đạo hạnh thành đều là các trò vui.

Thứ tư, từ câu “này người thiện nam v.v...” trở xuống là nói đầy đủ thế nguyện. Giữ vững tâm là thế; mong mỗi đạt đến là nguyện. Văn có hai là nguyện cho mình và nguyện cho người. Phần Tự thế có mười hai câu: trong lời thế chẳng khởi tâm phá giới.

Kế là có sáu thế nguyện chẳng thọ của tín thí bên ngoài.

Thứ ba, có năm thế nguyện, nói chẳng bị nội căn ngoại trần phá hoại.

Từ câu “Bồ-tát hộ trì, v.v...” trở xuống là nguyện cùng với người hộ trì.

Văn kinh nêu mười loại giới. Chỉ một pháp hộ trì mà chung cho chín loại kia. Giới thanh tịnh và giới thiện pháp thuộc về pháp nhiếp thiện. Bất khuyết, bất tích nếu thuộc về già cấm là thuộc về luật nghi. Nếu thuộc về ly quá là thuộc về thiện pháp. Năm giới sau, nếu y theo ý vận chuyển rộng lớn thì đều thuộc về nhiếp chúng sinh. Bất thoái tức là và, quán rượu, cung vua không lui sụt giới đã thọ. Tùy thuận nghĩa là tương ứng với lý. Rốt ráo tức tất cả đều đầy đủ. Ba-la-mật tức đây kia đều cùng tột. Chỉ giữ tâm giới tức đầy đủ tất cả giới, đó gọi là một giới tất cả giới. Giới là pháp giới, nhiếp tất cả pháp, đó là giới hạnh tròn đầy.

Kế đến, từ câu “Bồ-tát tu trì v.v...” trở xuống là nói về giới quả. Nếu nói theo báo nhân chiêu cảm quả báo, tức là gần thì cảm quả báo trời, người. Nếu nói theo tập nhân chiêu cảm tập quả, thì xa cảm pháp nhân thường trụ. Nay chẳng phải gần, chẳng phải xa, mà chỉ lấy Bất động địa làm quả. Xưa có ba cách giải thích: một là cho địa thứ tám làm Bất động địa; hai là cho Sơ địa thành tựu chân giải là Bất động địa; ba là y cứ theo kinh Thập Địa phối hợp Nhị địa và thi-la, ở đây nói bất động tức là Nhị địa. Ở đây cho là chẳng phải. Vì trước đã gồm nói về hạnh thứ lớp như đã phân biệt ở trên, thì nay hợp luận về quả, thì phải y cứ theo chứng đạo. Nếu chứng đạo là đồng xứ, thì đồng xứ tức Sơ địa. Nếu chỉ y cứ theo thứ lớp ba học để nói về quả, thì nhập lý gọi là Trụ, trụ là Bất động. Thập trụ là giới quả. Từ trụ sinh ra công đức gọi là Hạnh, hạnh lấy tự tại làm nghĩa, thì Thập hạnh là quả định. Đất bao hàm nghĩa năng sinh, chuyên chở muôn vật và vô sở úy, tức là tuệ quả. Đây là ý nghĩa hạnh thứ lớp. Nếu y cứ theo viên để nói về quả giới thì chính là Sơ trụ. Ý của văn kinh không đơn thích mà phải hợp luận, đó chính là dùng Sơ địa chứng đạo đồng xứ để nói về giới quả. Như thế rất hợp với nghĩa gồm nói về quả ở trên. Đến phần giải thích thì nghĩa này

sẽ được hiển bày.

Văn có bốn là nêu, dụ, giải thích và kết luận. Nêu thì như văn kinh.

Nói Bất động nghĩa là thường nên bất động, vì lạc nên chẳng đọa, vì ngã nên chẳng thoái, vì tịnh nên chẳng tan.

Hỏi: Thích luận nói rằng tám gió chẳng làm lay động, nhưng gió Tùy-lam thổi đến thì tan nát như cỏ mục. Vì sao ở đây nói gió tùy-lam bình thường chẳng thể làm lay động?

Đáp: Luận giải thích theo kiếp tận.

Thứ ba, từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là giải thích, gồm có ba: một, là y cứ theo ba Đế để giải thích.

Sắc, thanh, hương, vị là quả lành trong tục đế. Địa ngục là quả ác trong tục đế. Thanh văn, Bích-chi-Phật là người trong chân đế. Dị kiến, tà phong là pháp trong chân đế; sinh tử, thiện ác, Niết-bàn, nhân pháp đều chẳng thể làm lay động, không đọa lạc, không thoái thất, không tan nát đó là nói lên thường, lạc, ngã, tịnh của giai vị giới quả thuộc trung đạo.

Kế là, thứ hai y cứ theo ba chương để hiển bày ba thân.

Ba độc là phiền não chương. Bốn trọng, hủy báng chánh pháp là nghiệp chương. Bồ giới trở về thế tục là báo chương. Báo chương diệt thì pháp thân hiển bày. Nghiệp chương tiêu thì ứng thân hiển lộ. Phiền não chương dứt thì báo thân hiện tiền. Nếu đạt đến Sơ địa ba thân hiện thì ba chương diệt.

Thứ ba y cứ theo bốn đức.

Ma phiền não chẳng làm lay động tức là đức tịnh. Chẳng bị ma ám làm đọa lạc tức là đức lạc. Chẳng bị ma trời làm lui sụt là đức ngã. Chẳng bị ma chết làm tan hoại là đức thường. Nói Sơ địa này có bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh là giới quả thì hai nghĩa đều thích hợp.

Thứ tư, từ câu “này người thiện nam v.v...” trở xuống là kết luận về giới Thánh hạnh.

Từ câu “Này người thiện nam! Thế nào gọi là hạnh Thánh v.v...” trở xuống là phần thứ ba giải thích cả danh từ Thánh hạnh. Văn có ba: nêu lên, giải thích và kết luận.

Phần giải thích có ba: một, nêu hai hạng người Thiên và Viên, để hiển bày giải thích cả hai.

Thứ hai, nêu riêng hai pháp định, tuệ để thành tựu giới.

Thứ ba, nêu chung bảy Thánh tài, bảy Giác pháp để giải thích bậc Thánh.

Bậc Thánh thực hành pháp Thánh, pháp Thánh thành tựu cho bậc Thánh nên gọi là hạnh Thánh. Nếu chứng đạo đồng xứ thì nên dùng giai vị sở địa giới, định, tuệ có đủ bảy Thánh tài, bảy giác đạo để giải thích bậc thánh.

Thứ ba là kết kuận như văn kinh ghi.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là đoạn hai nói về hạnh định tuệ. Văn có hai phần:

Nói về định có thứ bậc.

Nói về định tròn đầy.

Sau nói về quả, Khai Thiện dùng bốn Niệm xứ quán để giải thích hạnh định, các Sư đều thuận theo. Nghĩa này chẳng đúng vì có hai điều sai lầm trái với kinh, hại cho nghĩa. Nói trái kinh, văn kinh ghi: “Thực hành pháp quán này thì được bốn niệm xứ, được bốn Niệm xứ rồi trụ trong Kham nhẫn địa”. Nếu nhất định cho Thánh hạnh là bốn Niệm xứ, thì lẽ ra kể là vào giai vị Kham nhẫn. Nếu chưa được Kham nhẫn thì làm sao được bốn Niệm xứ. Nói hại nghĩa, nay nói về định mà dùng bốn Niệm xứ là thuộc về tuệ. Sau nói về tuệ hạnh nên dùng tám định, vậy lẽ ra cũng nên nói giới hạnh là định hạnh, điều sai này chẳng nhỏ.

Ở đây chia ra mười sáu pháp đại thắng, tám bội xả, chín tướng, đã chẳng phải là căn bản thì đều có quán tuệ biết được vô thường, vô ngã. Ngã là gốc của các điều ác, nên được đặc biệt nói đến. Các sư thấy lập vô ngã quán thì liền cho là niệm xứ.

Văn có hai:

Nói pháp môn đặc biệt cao quý.

Nói tám bội xả.

Đầu tiên được chia thành hai là tu và chứng.

Nói tu đức quán xét thân này từ đầu đến chân. Kế là nói về chứng, có hai: Một là nói về tướng chánh chứng; hai là từ câu “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói về pháp chứng này và giải đều phát khởi.

Đầu tiên là nói ba mươi sáu thứ như tóc, lông, móng, răng v.v... là chứng pháp đặc biệt cao quý này thì khai phát thấy toàn thân từ bên trong, bên ngoài và khoảng giữa mỗi chỗ đều có mười hai thứ, tổng cộng là ba mươi sáu thứ. Não là ở trên, hạch ở dưới chân, nêu chung trên dưới.

Hà Tây và Chiêu-đề đều cho là hạt đào, vì trong não có xương nhỏ như hạt đào, hạt mai. Biển Thước chỗ có ba sợi lông ở ngón chân gọi là hạch, vì trong đó có hạch.

Từ câu “Bồ-tát chỉ nghĩ v.v...” trở xuống là nói trong định đặc biệt

này cùng phát khởi với giải, chẳng sinh đấm trước.

Văn này đã lược, chỉ suy nói vô ngã, nếu nói đủ thì phải nói cả khổ, không, vô thường.

Thứ hai, từ câu “trừ bỏ da thịt v.v...” trở xuống là nói về tám bội xả quán. Văn có hai là tu và chứng.

Đầu tiên là nói tu, nghĩa là quán trừ da thịt là tướng tu. Kế là, từ câu “chỉ quán xương trắng” v.v... trở xuống là nói về tướng chứng. Có hai: một, là nói về tướng chứng.

Từ câu “lại nghĩ rằng v.v...” trở xuống là nói về giải của tướng chứng, không sinh chấp đấm, tức đã dứt trừ tất cả sắc dục lại tăng tấn sự chứng ngộ, từ đoạn này trở xuống lại nói về bốn giới trọng. Nói “lại nghĩ rằng” là nói duyên nơi chứng mà khởi quán. Đầu tiên là nói trừ ba dục, tức là tướng chứng, tựa như chứng chín tướng mà chẳng thấy văn nói về tu tập. Đó là tu bội xả mà chứng chín tướng cũng có nghĩa này.

Kế là “quán xương màu xanh thấy mặt đất, v.v...” câu này dường như nói về quán thắng xứ, trong đó nói “khi quán xương màu xanh” là nói về tướng tu.

Từ câu “khi Bồ-tát quán như thế, v.v...” là nói về tướng tu bội xả; câu “giữa hai đầu chân mày phát ra ánh sáng màu xanh, vàng, v.v...” là nói về tướng chứng. Câu “thấy rồi tự hỏi, v.v...” là duyên chứng mà khởi nội quán, ngoại quán. Từ câu “nếu bị sỉ nhục” đến câu “ai chịu sự sỉ nhục” là kết luận về nội quán.

Từ câu “Nếu ta chẳng nhẫn, v.v...” trở xuống là kết luận về quán tuệ. Vì thế nếu khéo biết ngăn dứt các chướng, nuôi lớn tâm định, chẳng tạo nhân của pháp ác thì không có quả địa ngục.

Từ câu “Bấy giờ, Bồ-tát v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai nói về quả định. Trong đó nói về người câu Giải thoát, định tuệ sở tu song tu, nên nói: “quán như thế rồi, được bốn niệm xứ”. Niệm xứ năng dứt trừ các kết sử để nhập vị, vị tức giai vị Kham nhẫn. Văn có hai phần là nêu lên và giải thích.

Xưa nói về địa thứ năm thì Thiên Ba-la-mật tròn đầy. Nay nói chẳng phải như thế, nếu mỗi y cứ theo biệt viên mà nói riêng về định quả thì như trước đã giải thích, nếu hợp luận thì Sơ địa nhẫn chịu tham dục cho đến đói khát là pháp nhẫn. Chịu đựng muối mòng cho đến khổ sở là Sinh nhẫn. Nói thân tâm khổ não là tổng kết.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là nói về hạnh viên định. Có người nói rằng phân biệt loại trừ phá giới lẽ ra là sau phần giới hạnh, nhưng lại nói ở đây. Có ba cách giải thích: một, cho rằng người

dịch kinh lầm; hai, là muốn hợp hai địa để không khác thể, trước gọi là Bất động, ở đây nói là Kham nhẫn, thật ra chỉ một địa; ba, cho rằng đến trì giới chưa thể thấy cơ, chẳng thể hành sát sinh, đến định thì thấy cơ có thể làm các việc hủy giới. Nghĩa này chẳng đúng. Ở đây, chính là nói về ý nghĩa viên định.

Hỏi: Văn kinh này nói: “Khi chưa lên Bất động địa thì có được phá giới chăng? Sao lại nói là Viên định?”

Đáp: nếu chẳng phải là viên giới thì sao được ngay nơi hủy là trì, đã đạt đến trì hủy tự tại thì định cũng như thế, ngay nơi tán là định. Chẳng khởi viên định mà hành sát sinh mới là viên định. Giới có thể hiểu thì ngay nơi giới là định, chẳng cần phải ghi nhiều. Vì thế gọi văn này là hạnh viên định.

Hỏi: Trước nói về viên giới rồi mới nói về quả viên giới, nay nói định quả rồi mới nói đến viên định, vì sao?

Đáp: Trước sau chẳng nhất định, chỉ cần hiển bày viên định. Văn có ba phần hỏi đáp:

1/ Sơ lược.

2/ Nói rộng.

3/ Ngài Văn-thù thuật.

Sự trái, lý thuận thì lẽ ra chẳng chịu quả báo ác.

Phật trả lời như văn kinh ghi.

Từ câu “Lại có hạnh Thánh v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về hạnh thánh. Văn có hai:

Nói về tuệ hạnh.

Nói về tuệ quả.

Nói về tuệ hạnh có hai: Một, là giải thích tuệ hạnh; hai, là giải thích tên tuệ hạnh.

Đầu tiên, là giải thích tên tuệ hạnh lại chia làm hai: một là giải thích tuệ thứ lớp; hai là giải thích viên tuệ.

Giải thích tuệ thứ lớp lại có ba: Một, giải thích tuệ tứ đế; giải thích tuệ nhị đế; ba, giải thích tuệ nhất thật.

Có người cho rằng đây là nghĩa khai hợp, trong rốt ráo không nói là Nhất đế.

Kế là từ nhất đế khai thành hai, lại khai hai thành bốn, cũng khai bốn thành mười sáu, cho đến vô lượng. Nếu hợp thì hợp vô lượng thành mười sáu, hợp mười sáu còn bốn, hợp bốn còn hai, hợp hai về một, hợp một về không.

Nay nói tuy có hợp tan, khai hợp mà danh nghĩa lại khác, đối với



duyên đều khác nhau, mà phần lớn lại có liên quan nhau. Nay lược với đối với duyên Tam tạng mà nói tuệ tứ đế; đối với duyên Thông giáo mà nói tuệ Nhị đế; đối với duyên Biệt giáo mà nói tuệ nhất thật đế, hoặc lấy trí làm bốn đế; hoặc cho khổ, tập, diệt, đạo đều là cảnh. Đối với cảnh mà nói trí, trí tức là đế. Cảnh năng phát trí, khiến trí vô sở hữu, trí lại năng chiếu cảnh, biết rõ cảnh vốn không. Cảnh trí giúp nhau thành tựu nên nói là Tứ đế.

Hưng Hoàng cho rằng: “Nói Thánh đế thì đó là Phật tánh Niết-bàn, chẳng phải cảnh, chẳng phải trí, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, nên gọi là Thánh đế. Nếu y cứ theo các Sư, mỗi mỗi chấp một kiến đế giải thích văn thì chẳng đúng, vì nghĩa Bốn đế rất rộng đâu thể giải thích theo một bề.

Nay văn nêu lên ba loại Tứ đế: Nếu nói khổ, có tướng ép ngặt tức là hữu tác hữu đế; nếu nói: “biết khổ không khổ mà có chân đế, v.v...” thì đó là Vô Sinh tứ đế; từ câu “khổ vô lượng tướng, v.v...” trở xuống là nói về Vô lượng Tứ đế. Ba loại tứ đế này đều là quán cảnh của Bồ-tát. Bồ-tát trụ trong Đại thừa đại bát Niết-bàn tức là tuệ Vô tác tứ đế. Vì năng sở hợp luận nên có bốn loại.

Văn đầu tiên có ba lượt giải thích, giải thích rộng và kết luận. Lại chia thành sáu: Nêu lên, giải thích tên, giải thích dụng, giải thích thể, giải thích chế lập, giải thích rộng về thể.

Thứ nhất như văn kinh.

Kế là giải thích danh, tức dùng ép ngặt để giải thích khổ. Thân là gốc khổ, là nơi các khổ nhóm họp nên gọi là ép ngặt. Tập năng sinh trưởng, đó là nhân năng sinh quả. Diệt là tướng vắng lặng, không còn sinh tử. Đạo gọi là Đại thừa, tức từ nhân vận chuyển đến quả. Nếu cho rằng bốn đế là nghĩa của Tam tạng, sao lại nói đạo là tướng Đại thừa? Nếu chỉ đem đối với Tam tạng thì đạo của Bồ-tát Tam tạng giáo là trên hết, nên cũng gọi là Đại thừa.

Khổ là hiện tướng nói về dụng. Khổ là quả báo, quả thì hiển hiện. Tập là nhân tướng, nhân tướng ẩn kín nên nói là chuyển tướng. Các sư Số Luận cho rằng: “Thấy hiển tướng, thấy ẩn kín, từ ẩn kín đến hiển bày tức là chuyển tướng”. Người thế gian nói khổ đều là y cứ theo việc hiện tiền, chẳng cần nói về sự nối nhau, nên gọi là hiện tướng. Tập là nghiệp, lực dụng của nghiệp sẽ phải nối nhau, hai tâm chuyển biến nên gọi là chuyển tướng. Diệt là trừ tướng, trừ cái bị trừ, tức là trừ Khổ, Tập. Đạo là năng trừ.



Từ câu “khổ có ba tướng, v.v...” trở xuống là phần thứ tư giải thích thể.

Nói Tập là hai mươi lăm hữu, các nhà Số Luận cho rằng: “Nói nhau chẳng dứt gọi là Tập”. Các Luận Sư cho rằng: “Chiêu quả là tập”. Tập này làm nối nhau trong hai mươi lăm hữu, năng chiêu cảm hai mươi lăm hữu, v.v...

Từ câu “pháp hữu lậu, v.v...” trở xuống là đoạn năm nói về chế lập.

Y theo hai thứ nhân quả của hữu lậu vô lậu mà lập bốn đế này.

Kế là từ câu “Ba tướng v.v...” trở xuống là đoạn sáu nói về tướng Tứ đế.

Nói mười lực v.v... là Đạo. Trang Nghiêm nói rằng: “Quả địa chẳng phải là Đạo, Đạo mới là nhân, nhưng nói mười lực, tức trong nhân phần tu mười lực, vô úy”. Khai Thiện cho rằng: “Đạo chung cho nhân và quả”. Quả địa lấy Bồ-đề làm đạo, Niết-bàn làm diệt, cả hai không khác thể, mà nghĩa thì khác.

Từ câu “này người thiện nam! v.v...” trở xuống là thứ hai, nói rộng về bốn đế, gồm có bốn chương. Chương khổ đế có ba:

- 1/ Lực giải tám khổ.
- 2/ Giải thích rộng tám khổ.
- 3/ Hội thông.

Thứ nhất nói tám khổ lại gồm tám chương:

Mới xuất tức mới gá vào chi thức, chỉ có thân căn, chưa đủ sáu căn, tức mới gá thai. Đến cuối cùng là hết một thời kỳ. Tăng trưởng tức sáu bào tăng trưởng. Xuất thai tức khi sinh ra. Chủng loại sinh tức sau khi ra khỏi thai thì răng, lông, tóc, v.v... các loại phát triển.

Diệt hoại có hai giải thích: Một, đến lúc tuổi già thì bệnh tật tăng trưởng, tướng khỏe mạnh diệt hoại; hai, là từ sinh đến lớn gọi là tăng trưởng, từ trưởng đến già là diệt hoại.

Bệnh khổ lẽ ra phải nêu đủ bốn đại, nhưng chỉ nói ba đại, là vì địa đại chuyển động chẳng bằng gió và lửa, cho nên lược bỏ. Tọa bệnh và khách bệnh là thuộc về địa đại.

Tử gồm có ba câu về phước và mạng, có thuyết cho rằng chỉ mất tài vật nhưng mạng vẫn còn là phước tận; tài vật còn mà mạng chẳng còn là mạng tận, cả hai đều tận thì có thể tự biết.

Hà Tây cho rằng: Mạng vốn được một ngàn năm, mà chỉ được có một trăm năm là do phước đã hết nên mạng theo đó mà vong, nên nói là phước tận mạng chẳng tận. Mạng tận chẳng phải phước tận, tức phước

nghiệp vốn chưa tận nhưng mạng đã tận nên phước theo đó cũng hết, nên nói là mạng tận phước chẳng tận. Cả hai đều tận thì có thể hiểu.

Nay nói thêm rằng: Lại có hai nghĩa khác nhau nên có tổn hoại: một là do hai nhân ở quá khứ khác nhau; hai là do phung phí tài vật và sát sinh mà dẫn đến phước và mạng ở hiện tại suy tổn có khác nhau.

Buông lung phá giới thì mạng căn chấm dứt, trái lại thì gọi là chẳng buông lung. Trì giới mà xả bỏ mạng căn thì gọi là hoại mạng. Lại có người giải thích rằng đó chẳng phải xả mạng mà chính là tạo tội, gọi là tử thi, không còn gốc lành tuệ mạng. Hàng xiển-đề hủy báng pháp gọi là buông lung; phá bốn trọng cấm gọi là phá giới.

Loại thứ năm, sáu, bảy, tám như văn ghi. Tám khổ, bảy khổ đầu có thể tách riêng, một loại khổ sau là gom chung bảy khổ trước, không có thể tách riêng. Nay y cứ theo văn kinh thì năm ấm lừng lẫy cũng có tự thể riêng, trong đó năm ấm thiện ác lầy lừng là thể của khổ, phương tiện ấm thanh thì chẳng phải thể của khổ, v.v...

Kế là từ câu “Này Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn thứ hai nói rộng về tám khổ, văn tự có tám câu. Đầu tiên nói về khổ sinh, lại có ba ý:

1. Nói sinh là gốc khổ.
2. Nói sinh tử liên quan nhau.
3. Nói sinh có nhiều tội lỗi.

Đầu tiên là nói sinh khổ là gốc của bảy khổ kia. Lại phân biệt nêu ra một khổ, thì sáu khổ kia cũng lấy sinh làm gốc.

Từ câu “chúng sinh thế gian v.v...” trở xuống là ý thứ hai nói sinh tử liên quan nhau, gồm có pháp và dụ. Trong phần pháp thuyết lại có hai: trước nói phạm phu tham đắm. Kế là nói Bồ-tát nhàm chán.

Trong phần dụ có hai gồm dụ và hợp. Trong dụ được chia làm hai: dụ nhàm lia và dụ tham đắm. Trong nhàm lia lại có bốn: một, là nói về sinh đáng ưa thích; hai, nói về tử đáng chán ghét; ba, là nói về sinh tử liên quan nhau; bốn, là nói Bồ-tát xả bỏ cả hai.

Đầu tiên hỏi đáp có sáu câu, thật ra chẳng có người hỏi đáp, mà chỉ là cảnh sinh và quán trí của Bồ-tát đối chiếu nhau mà giả lập ra chủ khách. Người nữ dụ cho sinh quả mê hoặc phạm phu, khiến sinh ra tham đắm, trí quán của Bồ-tát mới sinh khởi dụ cho việc mới về nhà. Khôi ngô xinh đẹp là điều chúng sinh ưa thích, chuỗi anh lạc dụ cho nơi sinh ra quả nhiều vinh hoa. Chủ nhà dụ cho Bồ-tát xem xét, người nữ dụ cho sinh quả đối với trí.

Kế là từ câu “lại thấy ngoài cửa, v.v...” trở xuống là ý thứ hai nói

về chết đáng ghét.

Hỏi đáp cũng có sáu câu. Tử là sau khi sinh, nên nói ở ngoài cửa. Quả tử đối gạt người nên dụ cho người nữ. Xấu xí là cảnh tử, làm hoại quả nên khiến cho mọi loài chán ghét. Sinh tử trái nhau nên nói là nứt nẻ, khí huyết đã cạn nên gọi là trắng tái. Về việc chủ nhà cầm đao, có hai cách giải thích: Một, Dung Thành cho rằng một bề nhằm chán nên dụ là cầm đao; hai, Chiêu-đề cho rằng trí tuệ là đao, nếu tử chẳng đi thì dùng trí tuệ để dứt.

Thứ ba là từ câu “chủ nhà hỏi, v.v...” trở xuống là nói sinh tử liên quan nhau.

Sinh ở trước tử nên là chị, tử ở sau sinh nên là em. Chẳng bao giờ lia nhau nên nói là cùng ở bên nhau. Trở vào hỏi công đức thiên, tức là Bồ-tát xem xét biết sinh và tử luôn luôn đi chung.

Từ câu “chủ nhà nói rằng v.v...” trở xuống là ý thứ tư nói về Bồ-tát xả bỏ cả hai. Văn có ba đoạn, thứ nhất nói đều xả bỏ.

Thứ hai cả hai đều đi.

Xưa cho rằng từ kim cương tâm trở xuống, cho nên nói trở về chỗ mình.

Thứ ba, là Bồ-tát vui mừng.

Từ câu “khi ấy v.v...” trở xuống là phần thứ hai dụ cho tham đắm. Hỏi đáp bốn câu, đầu tiên nói cả hai cùng đến nhà kẻ phàm phu.

Phàm phu thiếu nghiệp lành nên nói là nhà nghèo cùng.

Từ câu “người nghèo kia v.v...” trở xuống là câu thứ hai, nói về người nghèo hèn yêu thích.

Từ câu “Công đức thiên nói v.v...” trở xuống là câu thứ ba, nói sinh cảnh nghiệm xét tâm phàm.

Từ câu “người nghèo đáp v.v...” trở xuống là câu thứ ba, nói về tâm phàm ứng hợp với cảnh.

Đã ưa thích sinh, thì phải nhận chịu tử.

Từ câu “Ca-diếp! Bồ-tát, v.v...” trở xuống là hợp dụ. Trước hợp với Bồ-tát nhằm chán.

Sau là hợp với phàm phu tham đắm.

Từ câu “Bà-la-môn v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về tội khổ của sinh, có năm dụ: Thứ nhất là dụ pháp thiện cạn mỏng, có bốn câu.

Bà-la-môn tịnh hạnh dụ cho Bồ-tát, đầu tiên muốn tu Bát-nhã, cuối cùng được đạo thanh tịnh. Bà-la-môn tuổi nhỏ giới hạnh còn cạn mỏng. Bị cơn đói ép ngặt là dụ cho ba đường khổ ép ngặt. Quả am-la trong bãi phân là dụ cho trong khổ vô thường có quả báo sinh lên cõi

trời.

Từ câu “người trí, v.v...” trở xuống là câu thứ hai nói về hạnh sâu xa quả trách.

Từ câu “người nhỏ tuổi, v.v...” trở xuống là nói người có hạnh cạn mỏng hổ thẹn.

Nói chẳng tham ưa niềm vui cõi trời, chỉ muốn trong tu đạo rồi xả bỏ.

Từ câu “người trí nói v.v...” trở xuống là câu thứ tư, Bồ-tát khuyên xả bỏ.

Từ câu “Này thiện nam! v.v...” trở xuống là hợp dụ, chỉ hợp với hai câu, chẳng hợp với hai câu trước.

Từ câu “này Ca-diếp! v.v...” trở xuống là dụ thứ hai.

Người bán thức ăn là dụ cho Phật; ngã tư đường dụ cho bốn loại sinh; bát dụ cho kinh giáo; chứa đầy thức ăn dụ cho Phật nói năm giới, mười điều thiện chiêu cảm quả trời, người. Nói đem bán nghĩa là dùng pháp này độ sinh; nói từ xa đến là dụ cho từ trong đường ác đến; đói khát thiếu thốn dụ cho quá khổ. Hỏi rằng: “Thật có việc này hay chẳng?”. Người bán trả lời dụ cho Phật đáp chỉ có một loại độc là chẳng tránh được vô thường, tức là tử diệt. Lại xem xét rằng nếu đó là pháp vô thường, vì sao Như Lai lại dạy người tu tập, nên hỏi rằng: vì sao lại bán?”. Phật lại trả lời là người có trí tuệ sâu xa thì xả bỏ, phàm phu vừa nghe thì liền nhận lãnh.

Hai dụ thứ ba và thứ tư rất dễ thấy.

Từ câu “thí như bờ nguy hiểm, v.v...” trở xuống là dụ thứ năm nói về quả sinh tử.

Thứ hai là quán già, thứ ba là quán bệnh, hai đoạn này dễ hiểu, nhưng sinh chắc chắn phải ở trước tử, còn bệnh thì không hẳn ở sau già. Nay trước nói già sau nói bệnh, vì lúc còn trẻ mà bị bệnh thì có hy vọng chữa lành, khi bị bệnh thì mau chết, cũng như sắp đổ mà lại đẩy thêm vào, cho nên sắp bệnh ở sau già.

Nói thân tâm an ổn, gồm có hai cách giải thích: một, chỉ cho an ổn là bệnh, như cha con Đại Hữu, Tiểu Hữu sau mười năm mới được gặp mặt, ban ngày vừa vui mừng nhau, qua đêm thì chết. Đó là nói an ổn là bệnh.

Thứ tư là quán khổ chết, vẫn có hai:

1/ Quán về chết.

2/ Từ câu “phàm chết v.v...” trở xuống là nói cảm thương tha thiết.

Thứ nhất. Thế nào là chết? Nếu hơi thở còn thì sống. Khi hơi thở đã dứt thì chẳng biết khổ, nếu thọ báo ở địa ngục thì đó là thân sau, đâu có liên quan gì đến khổ chết. Việc này thật khó biết. Ví như vặn hỏi về diệt, lúc chưa diệt là diệt hay lúc đã diệt mới gọi là diệt, tiến lùi thật khó nhất định, dường như xưa có nay không, xưa không nay có, v.v... nay chỉ lấy theo nghĩa sắp dứt mà chưa dứt để nói là khổ chết. Còn nói một cách rất ráo thì Bồ-tát cũng chưa hoàn toàn tránh khỏi sự sinh và chết, nhưng nói chỉ trừ Bồ-tát trụ trong Niết-bàn, gồm có ba cách giải thích:

1/ Cho Phật là Bồ-tát.

2/ Cho rằng Bồ-tát Kim Cương Tâm chỉ một lần chuyển liền thành Phật.

3/ Bồ-tát Sơ địa tuy chưa thoát khỏi sinh tử, nhưng chí cầu Niết-bàn chẳng bị sinh tử nào loạn.

Nay cho rằng cách giải thích thứ nhất nói đó là Phật ứng làm Bồ-tát thì chẳng hợp với ý kinh. Kế là nói Bồ-tát Kim Cương Tâm một lần chuyển, đó chính là tử rồi, vì sao còn nói là trừ. Thứ ba nói Bồ-tát tuy chẳng bị sinh tử làm loạn động mà chẳng tránh khỏi sự chết, vậy làm sao trừ được.

Ở đây nói trừ tức là Bồ-tát Viên giáo, đạt được phiền não tức Bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn, chẳng cần phải diệt nữa, sinh tử chẳng phải là sinh tử, cũng chẳng phải là Niết-bàn. Sinh tử còn chẳng phải sinh tử, thì sinh tử đâu thể là sinh tử. Bồ-tát chẳng sinh tử như thế tức là bị Trừ, chẳng bị sinh tử làm hại.

Văn ghi: “Như mưa kim cương, phá hoại tất cả” Vậy mưa này có phá được kim cương chẳng? Nếu chẳng phá được thì nghĩa lợi ích chẳng thành, nếu phá được thì nghĩa bền chắc chẳng thành... sự chết làm tổn thương tất cả như mưa kim cương, chỉ có Bồ-tát chẳng bị tổn thương. Kim cương nói ở dụ sau chỉ là kim cương vụn nát, chẳng thể làm tổn thương kim cương tảng, kim cương khối, cho nên Bồ-tát chẳng bị sự chết làm chết được.

Nói rắn độc ma-la, Hà Tây nói đây là loại rắn đen, độc của nó chỉ cần chạm vào quần áo cũng có thể làm chết người, người khác chạm vào quần áo này cũng bị chết. Nói sao A-kiệt-đà, sao này xuất hiện vào tháng tám, nếu có người được tinh chú này thì sẽ giải trừ được các chất độc.

Kế là, từ câu “nói sự chết, v.v...” trở xuống gồm mười câu, tha thiết cảm thương, rất là đáng buồn, nếu nói xa lìa thì thành hai mươi câu.

Nói ở nơi hiểm nạn, tức là nỗi khổ của bệnh đã trở nặng. Nói không tư lương tức nghèo thiếu pháp thiện. Nơi chốn xa cách trở tức con đường ở cõi chết thật vô cùng. Nói không có bạn bè tức hồn phách cô độc, đi đến phương xa mà không ai đi theo. Trong suốt mười hai canh không chút tạm ngừng nghỉ, ngày đêm đi mãi chẳng trước chẳng sau, nên nói là không bờ bến. Như vực sâu muôn nhẩn, nên nói là thăm thăm. Vì trong đó tối tăm, bên ngoài ánh sáng chẳng chiếu vào được nên không có ánh sáng. Chết là con đường cùng, các nẻo đường đều bít nên nói vào mà không có cửa. Lại nói chết chẳng từ sáu căn mà vào nên nói không có cửa nhưng lại có chỗ đến, nên nói là nơi chốn. Lúc bấy giờ hoảng hốt, nói tuy không có chỗ đau, thầy thuốc đành bó tay, nên nói chẳng thể chữa trị. Hiền thánh chẳng thể chế ngự nên nói đi không có gì ngăn chặn được, đến thì chẳng thể thoát khỏi. Lúc mới chết thấy vẫn còn y nguyên, chẳng thấy có gì tổn hoại nên nói là không phá hoại. Thân thuộc đau buồn nên nói là sâu khổ. Lại chẳng phải cọp, sói, chim thú ăn thịt nên nói chẳng phải sắc xấu xí. Không ai chẳng sợ chết nên nói mọi người đều kinh sợ. Đây là thân hậu ấm cho nên nói là ở bên thân, mà chẳng biết được tốt xấu, nên nói chẳng hay biết. Nếu y cứ theo nghĩa này thì mạng đã dứt, thân trung ấm là khổ chết.

Thứ năm, quán khổ thương mà chia lìa.

Từ duyên lìa mà sinh tức là hoại khổ. Nếu nói về hoại khổ là trong nhân nói quả, tức chỉ cho thọ lạc làm thế, ở đây cũng thế, tức chỉ cho ân ái là khổ chia lìa. Văn kinh nói xả bỏ thân mạng yêu thích nghĩa là tuy thân mạng dứt là khổ chết thuộc về đời trước. Nay nói xa lìa thân mạng yêu thích và các y báo như quyến thuộc v.v... là khổ thương yêu mà chia lìa. Thích luận ghi: “xa lìa người khác thì dễ, xa lìa thân thuộc là khó; Xa lìa thân thuộc là dễ, xa lìa cha mẹ thì khó; xa lìa cha mẹ là dễ, xa lìa thân mình là khó; xa lìa thân mình thì dễ, xa lìa tâm mình thì khó”.

Đảnh sinh là thấp sinh, luận Thành Thật nói người thế tục đứng bên cạnh các vị trời giống như đứa bé ăn xin ở bên vua, vì sao lại nói hai vị vua giống nhau. Nhưng Đảnh sinh là ứng cho nên được so sánh với các vị trời, nếu là thật báo thì chẳng bằng. Tuổi thọ của vị thiên chủ dài lâu nên chớp mắt chậm; thế chủ tuổi thọ ngắn nên chớp mắt nhanh, nhặt hơn. Kim luân vương rất nặng chẳng thể thăng lên. Nhưng nhờ phước đức mà nặng thành nhẹ. Nói mao và vĩ, xưa ghi mông vĩ thì chẳng đúng. Long ngắn thì chỉ gọi là Mao, dài thì viết là Tiêu.

Văn sau nói người nhiều nghề nghiệp gọi là mao sĩ, tức là lấy từ nghĩa đức độ rộng lớn. Lưu Hiếu Tiêu gọi là nhậm phưởng là mao kiệt

trong nước, tức chữ mao này.

Khi xưa, vua Ngụy có hạt châu quý hiếm chiếu sáng mười hai cỗ xe, huống chi là hạt châu của đảnh sinh chẳng chiếu xa mười do-tuần ư? Ở đây nói ở của bánh xe. Lại kinh nói trong giải áo, tức là nói năng lực công đức chứ không nói về lớn nhỏ.

Bảo nữ sinh được một ngàn người con, nên mới gọi là bảo nữ. Pháp Hiển Truyện ghi: “Vương phi sinh một khối thịt như trái dưa, có một ngàn múi, một múi sinh một người con”. Thích luận ghi: “Cù tân là bảo nữ, không thọ thai”.

Hai vấn trên ghi khác nhau làm sao hội được thông được? Đây là do mỗi thời đại xem trọng sinh con và chẳng sinh con khác nhau.

Thứ sáu, là quán khổ ghét mà phải gặp mặt nhau.

Đã từ duyên hội hợp mà sinh tức là khổ, cảnh trước mắt ép ngặt tâm, tâm lãnh chịu cảnh ép ngặt sâu não cho nên khổ. Gọi là khổ ghét mà phải gặp mặt nhau.

Thứ bảy, là quán khổ mong cầu mà không được.

Lại y cứ theo khổ thương yêu mà xa lìa và chán ghét mà phải gặp nhau ở trước, tức đối với ái thì cầu hợp mà lại xa lìa, đối với oán muốn xa lìa mà lại gặp. Cả hai cầu chẳng được tức là khổ mong cầu mà không được.

Thứ tám, tổng kết bảy thứ khổ trước để thành khổ năm ấm lầy lừng.

Như trước có giải thích, khổ chắc chắn có tự thể riêng. Từ câu “bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba hội thông khổ đế. Xưa nói trong A-hàm có nói trong ba thọ có lạc thọ, nay nói trong năm ấm đều là khổ, không có nghĩa lạc. Xưa nay nói nghĩa trái nhau.

Khai Thiện chia đoạn này làm bốn lần hỏi đáp, có bốn chương. Các sư Trung Quán chia làm hai, ba phần sau là chương phụ chỉ lập câu hỏi. Nay trước là hỏi, sau là đáp. Phần hỏi có ba: Một là bác bỏ; hai là lập năm câu hỏi; ba là kết luận. Đầu tiên là nói lãnh chỉ và bác bỏ.

Từ câu “vì sao v.v...” trở xuống là vặn hỏi. Câu thứ nhất và câu thứ tư là đồng y cứ vào duyên của lạc. Câu thứ hai là y cứ vào thể của lạc. Câu thứ ba và câu thứ năm là đồng y cứ vào nhân của lạc.

Thứ nhất, là y cứ vào duyên của lạc.

Trong kinh A-hàm, khi xưa Phật bảo Thích-ma-nam rằng: “Nếu sắc chắc chắn là khổ thì chẳng nên tìm sắc. Nếu sắc chắc chắn là vui, thì chẳng nên chán sắc”. Nhưng nay chỉ hỏi về không lạc chẳng nên cầu sắc, nếu tìm màu xanh, vàng v.v... thì nên biết có lạc, vậy nay vì sao nói



hoàn toàn không có lạc.

Nay nêu đủ sáu căn đối với sáu trần để làm duyên của lạc.

Từ câu “như Phật nói kệ v.v...” trở xuống là câu thứ năm và câu thứ ba, đồng y cứ theo nhân của lạc, mà nghĩa khác nhau. Câu trước nêu điều thiện làm nhân của lạc, nhưng chỉ nói điều thiện thế gian. Nay lại nêu pháp thiện xuất thế của Thanh văn và Bồ-tát làm nhân của lạc. Gồm năm bài kệ, chia ra làm bốn: Hai bài đầu nói về điều thiện của Thanh văn làm nhân của lạc.

Kế là bài kệ nói về pháp thiện của Bồ-tát, là nhân của lạc.

Một bài kệ cuối cùng kết luận về Đại thừa

Nói Bồ-tát rốt ráo, tức chẳng đồng với Phật rốt ráo, vì đó là phần rốt ráo.

Từ câu “bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là phần thứ ba kết luận ý chẳng đúng.

Các kinh chỉ nói về giáo xưa, còn nay Đức Phật nói là chỉ cho giáo nay, nên chỉ có khổ mà không có lạc.

Từ câu “Phật bảo Ca-diếp v.v...” trở xuống là chương thứ hai, Như Lai đáp chia làm hai, thứ nhất là khen lời hỏi.

Từ câu “này người thiện nam v.v...” trở xuống là phần chánh đáp, có hai ý đáp chung và đáp riêng. Trong phần đáp chung lại chia ra hai là đáp và nói về nghĩa. Thứ nhất như văn kinh ghi.

Khi xưa thuận theo ý người, cho khổ là lạc. Hôm nay tùy theo ý mình nên nói tất cả đều khổ. Trước ngài Ca-diếp lập năm câu hỏi theo thứ lớp nêu ra. Bây giờ, Đức Thế Tôn dùng một câu trả lời năm câu hỏi, giải thích một cách khéo léo hai thuyết xưa mà chẳng trái nhau. Thật chẳng có lạc mà hàng phàm phu chấp đắm, gượng sinh ý tưởng cho là lạc.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần nói về nghĩa. Lại vặn hỏi Phật giải nghĩa cùng khổ. Gồm có hai là trước hỏi, sau nhận lãnh, tin hiểu. Thứ nhất, có ba: một là lầm thưa hỏi; hai, là điên đảo hỏi; ba, là y cứ theo sự để hỏi.

Thứ nhất lầm vấn nạn: Ý của Phật thì cho khinh là hạ khổ, cho nên thành nhầm lẫn mà nhận lãnh, tin hiểu. Ca-diếp nêu tám khổ gồm ba phẩm, hạ thì đọa ba đường, trung thì cõi người, thượng là cõi trời. Nếu hạ khổ có vui, thì trong ba đường phải có vui.

Từ câu “nếu có người v.v...” trở xuống, kể là vặn hỏi điên đảo.

Từ câu “bạch Đức Thế Tôn v.v...” trở xuống là thứ ba, y cứ theo sự để vặn hỏi.

Như người chịu phạt đánh một ngàn roi, một roi đầu tiên mà lại nghĩ là vui hay?

Từ câu “Đức Phật bảo v.v...” trở xuống là đáp, có hai: một, là khen lời hỏi; hai, là đáp.

Nhưng câu hỏi thứ ba, ý nói phạt một roi thật là nêu trong hạ khổ mà nghĩ là vui, tức là nếu miễn được nhiều roi kế tiếp, mà cam chịu một roi cũng có thể lấy đó làm vui.

Từ câu “từ nghĩa này v.v...” trở xuống là đáp.

Chỉ đáp câu thứ ba y cứ vào sự mà vặn hỏi. Trước lầm nhận lãnh điên đảo vặn hỏi tự nhiên cách xa. Ta (Đức Phật) thật chẳng nói hạ là khổ nặng, hạ là khổ nhẹ, vì sao thầy (Ca-diếp) lại lầm nhận, nên chẳng đáp hai câu ấy, đồng thời cũng chẳng phải như thế, đối với hạ lạc mà nghĩ là khổ nên chẳng cần đáp, chỉ đáp câu thứ ba, đáng lẽ chịu một ngàn roi, nhưng chỉ mới chịu một roi đầu tiên, nghe nói được tha thì đó chẳng phải là hạ khổ mà nghĩ là vui hay sao? Như người phải chịu hình phạt phải chết, nghe nói tha chỉ phạt một trăm roi cũng giống như thế, trong hạ khổ mà nghĩ là vui.

Phần hỏi đáp thứ hai là lãnh giải, trước lãnh thọ sau thuật thành.

Có chỗ cho rằng đoạn văn này là một câu hỏi, nói người này chẳng phải vì một roi đầu tiên mà nghĩ là vui, chỉ vì thoát được nhiều roi mới nghĩ là vui. Đây là ý lãnh hội, chẳng phải câu hỏi.

Nói thật chẳng dối là theo thế gian mà nói. Xưa nói có lạc là tùy tình, nay nói không lạc là đạo lý như thế.

Từ câu “này Ca-diếp v.v...” trở xuống là thứ hai, giải thích riêng năm câu hỏi, nhưng chỉ có ba đoạn văn. Thứ nhất là đáp câu hỏi về thể của lạc; thứ hai là đáp câu hỏi về nhân của lạc; thứ ba là đáp câu hỏi về duyên của lạc.

Thứ nhất lại có ba: Một là nêu giáo; hai là điểm ba thọ; ba là kết hư thật.

Sau là văn thứ nhất, trước nêu hai giáo.

Ba thọ giáo là ba khổ giáo, có thể thấy.

Từ câu “Này người thiện nam v.v...” trở xuống là văn thứ hai điểm ba thọ.

Giáo xưa cũng có ba thọ, trong đó khổ khổ là khổ thọ, hoại thọ và lạc thọ. Hành khổ là xả thọ. Đây là giáo Tiểu thừa, nghĩa lý chưa rõ ràng, chỉ là đơn, chỉ là thuyết của luận Thành Thật. Nay nói cực giáo là chỉ phức. Đầu tiên nói khổ thọ gồm ba khổ, khổ khổ là tâm duyên cảnh khổ, cảnh khổ ép ngặt tâm, kết hợp nêu lên nên nói là khổ khổ.

Lạc chẳng trụ lâu dài, chỉ tạm thời hiển hiện, duyên lạc đã dứt tức là hoại khổ. Bị vô thường xâm đoạt là hành khổ. Hai thọ kia mỗi thọ đều có hai khổ, hoặc một khổ, cho nên văn ghi là hai.

Nay giải thích chẳng đúng như thế, trước đã chỉ phúc sao bây giờ là chỉ đơn (riêng) hoại khổ là lạc thọ. Cho nên biết một thọ có hai khổ. Lạc thọ cũng có hoại khổ và hành khổ. Thể của lạc có thể bị hoại là hoại khổ, lại bị vô thường ép ngặt nên cộng thêm hành khổ. Xả thọ cũng giống như thế, xả phải lia khổ nên có hoại khổ mà không tránh khỏi vô thường nên có hành khổ. Nhưng hai cảnh này chẳng cần có cảnh ép ngặt nên không có khổ khổ.

Từ câu “do nhân duyên này v.v...” trở xuống là kết luận hư thật. Có hai: Một, là kết luận xưa nói là lầm thấy vui.

Chẳng phải thật, nhưng vì phạm phu nên nói là có lạc. Bồ-tát chẳng phải như thế, thấy đều là khổ.

Văn kinh ghi: “Trong sinh tử thật có vui”.

Văn kinh sau lại ghi: “Trong sinh tử thật không có vui”.

Đó là thuận theo vọng chấp của thế gian. Tam tạng Chân Đế chấp sinh tử có vui không có vui, đều là sự tranh luận như trước đã nói.

Từ câu “Này thiện nam. Trong sinh tử, v.v...” trở xuống là kết luận nay nói thật khổ, rất dễ thấy.

Từ câu “Ca-diếp bạch Phật” trở xuống là lời đáp thứ hai trả lời câu hỏi thứ ba, thứ năm y cứ theo câu hỏi về nhân. Có hai: Thứ nhất Ca-diếp lại nêu câu hỏi xin đáp.

Có chỗ cho rằng đó là câu hỏi mới. Ở đây cho là chẳng phải, đó chỉ là nêu lại câu hỏi pháp thiện thế gian và xuất thế gian ở bài kệ trên thêm vào các từ ngữ mà thành, chứ chẳng phải câu hỏi khác.

Ý Phật đáp rằng: Ta nói pháp thiện chiêu cảm quả vui, xa hơn thì được Bồ-đề an vui, chứ ta chẳng nói trong sinh tử có vui.

Đầu tiên là nói căn bản của Bồ-đề tức căn nhân của quả Phật. Lại nói trưởng dưỡng Bồ-đề tức là liễu nhân quả Phật. Xưa nói: từ trước chẳng được chấp sinh nhân, nay cho rằng có nhân duyên, cũng được nói như thế.

Từ câu “Này thiện nam thí như thế gian, v.v...” trở xuống là câu đáp thứ ba, trả lời hai câu hỏi về duyên lạc. Có hai là chánh đáp và giải hoặc. Chánh đáp lại có hai: Trước nói về duyên vui, sau nói về duyên khổ. Duyên chẳng nhất định nên không có vui.

Sau nêu ra các châu báu đều là nhân khổ, hãy nêu một việc: ví như cất nhiều vật báu lúc đầu thì cho là vui, cho đến khi bị mất thì rất

khổ nào.

Từ câu “Này thiện nam v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nêu giải hoặc kết, có ba: một, kết luận Bồ-tát biết khổ.

Kế là kết luận Nhị thừa chẳng biết, nên tùy tình mà nói. Thứ ba, lại nêu Bồ-tát để kết luận.

